

Số: 83 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 17 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyên Xá tại Văn bản số 25/TT-NX ngày 30/10/2023 về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án Phát triển nhà ở thương mại khu dân cư thôn Thái, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 613/TT-STNMT ngày 10 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyên Xá (địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Phát triển nhà ở thương mại khu dân cư thôn Thái, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Phát triển nhà ở thương mại khu dân cư thôn Thái, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

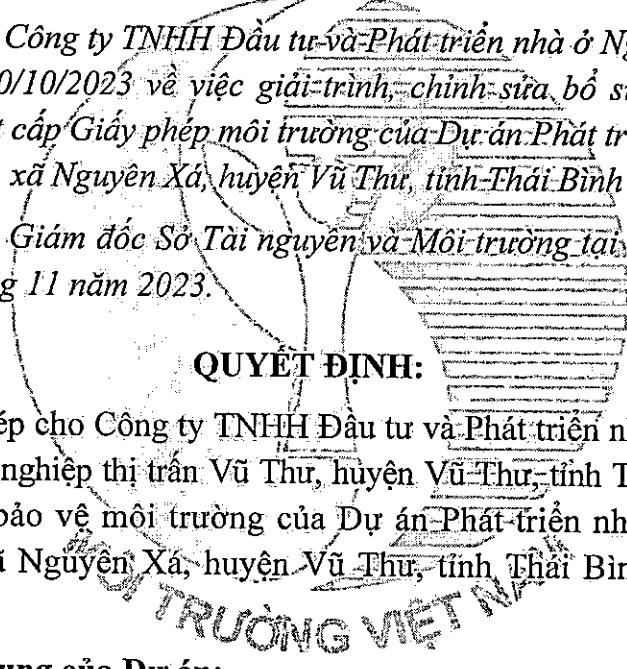
1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001253277 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/08/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/6/2023.

1.4. Mã số thuế: 1001253277.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:



- Tổng diện tích của Dự án 70.941,5 m² (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất tại Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 về việc giao đất cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển nhà ở Nguyên Xá tại xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư).

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư quy mô dân số khoảng 1.495 người; quy hoạch sử dụng đất: Đất xây dựng nhà ở thấp tầng (liền kề, nhà vườn): 30.976,4m²; đất nhà ở xã hội: 2.537,5 m²; đất cây xanh: 4.358,6 m²; đất mặt nước: 1.848,3 m²; đất khe hạ tầng: 1.882,2 m²; đất khu xử lý nước thải: 344 m²; đất xây dựng nhà văn hóa: 445,5 m²; đất giao thông: 26.552,8 m²; đất bãi đỗ xe: 1.996,2 m².

+ Các hạng mục công trình gồm: San nền khu đất thực hiện dự án; đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông; các hạng mục công trình phụ trợ như hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống cây xanh, mặt nước; các hạng mục công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ khu dân cư, chợ Thái, nhà văn hóa, khu nhà ở xã hội); hệ thống xử lý khí thải.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyên Xá có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Vũ Thư;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty TNHH ĐT và PT nhà ở Nguyên Xá;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn





Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 83 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân khu nhà ở liền kề;
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân khu nhà vườn;
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của chợ Thái;
- + Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở xã hội;
- + Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của Nhà văn hóa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng thuộc địa phận xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Kênh nội đồng thuộc địa phận xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2256471,48; Y(m) = 583830,99

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰)

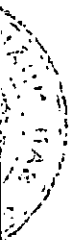
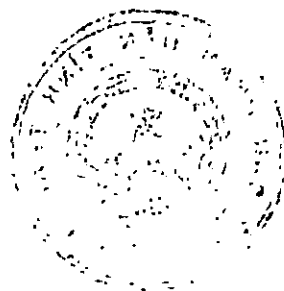
2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm, tương đương 8,33 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục |
|----|--------------------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | pH | - | 5 - 9 | Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục |
| 2 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | 30 | |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 50 | |
| 4 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 500 | |



| | | | |
|----|---------------------------------------------------------|------------------|-------|
| 5 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 1,0 |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 5 |
| 7 | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 30 |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 10 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 5 |
| 10 | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | 6 |
| 11 | Tổng Coliforms | MPN/ 10 ml | 3.000 |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án (xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất 200 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max}, hệ số K = 1,0.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể bơm đầu vào → Bể lắng cặn, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn nước → Bể lắng sinh học → Bể trộn, bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, NaHCO₃, PAA, PAC, Javen

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom tránh hiện tượng tắc nghẽn; kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời

phát hiện sự cố.

- Tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải cho nhân viên vận hành; tuân thủ đúng các bước vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

b) Quy trình ứng phó sự cố:

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý nước thải ra môi trường; cam kết không xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường. Nước thải được lưu chứa vào 02 hồ bạt dự phòng bằng bạt HDPE dung tích 100 m³; tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, bơm ngược trở lại nước thải từ bể bạt dự phòng về bể gom tổng để xử lý lại nước thải; đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, bảo đảm chỉ xả nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 02 tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

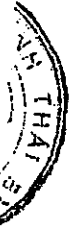
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng

quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập cho khu vực xung quanh dự án.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.





Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 83 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, lưu lượng phát sinh 1.500 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí, cụ thể: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: X = 2256468,20; Y = 583808,12.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.500 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C (áp dụng K_p = 1,0; K_v = 1,2); cụ thể như sau:

| ST T | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục |
|------|------------------------------------|--------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Hydro sunphua, H ₂ S | mg/Nm ³ | 9 | Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 2 | Amoniac và các hợp chất chứa amoni | mg/Nm ³ | 60 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom và xử lý qua tháp xử lý mùi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải → Đường ống dẫn khí → Tháp xử lý mùi → Quạt hút → Ống khói → Môi trường.

Công suất: 1.500 m³/giờ.

Hóa chất: NaOH.



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt hệ thống theo đúng hướng dẫn, thiết kế, vận hành chạy thử và nghiệm thu.
- Khi xảy ra sự cố, chủ dự án phải cho ngừng hoạt động tại khu vực đó, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên bảo dưỡng, vận hành theo hướng dẫn để bảo đảm hiệu quả xử lý của hệ thống.
- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu các sự cố xảy ra.
- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: 02 tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trên ống thoát khí thải của tháp xử lý mùi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này.

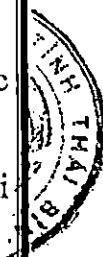
2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải công suất 1.500 m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 83 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI
1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------------|---------------------------|----------|---------------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | 3 |
| 2 | Dầu thải | 17 02 03 | 20,88 |
| 3 | Giẻ lau dính dầu | 18 02 01 | 312 |
| 4 | Pin thải | 16 01 12 | 0,1 |
| Tổng khối lượng | | | 480,194 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

| TT | Tên chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Bùn cặn từ hệ thống thu gom, thoát nước | 390 |
| 2 | Bùn dư từ trạm xử lý nước thải tập trung | 102.200 |
| 3 | Chất thải rắn phát sinh từ khu vực dịch vụ công cộng | 730 |
| Tổng khối lượng | | 103.320 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

| TT | Tên chất thải | Khối lượng phát sinh (tấn/ngày) |
|------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 1 | Chất thải rắn sinh hoạt | 1,196 |
| Tổng khối lượng | | 1,196 |

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:
2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:


- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ Đối với hộ gia đình: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, xử lý theo quy định tại đơn vị thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

+ Đối với các công trình công cộng, hệ thống xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý vận hành thực hiện thu gom, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải, các loại chất thải rắn thông thường khác được đơn vị quản lý vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Biện pháp thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phát sinh theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được đựng trong các bao bì, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường địa phương vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 04****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*Kèm theo Giấy phép môi trường số 83 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.